

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 188/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Ngọc Châu;

Bà Trần Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7, 14 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở 2 – Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 384/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 06/07/1986.

Nơi thường trú: Tổ A, Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: Tổ B, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh ngày 03/01/1995.

Địa chỉ liên hệ: Số C Quốc lộ A, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1981.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H và chị P có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Ngọc H:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị H và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 53, quyển số: 01/2009, ngày 09 tháng 07 năm 2009. Tuy nhiên, khi chung sống với nhau thì chị H và anh L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và cãi nhau, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H và anh L không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung. Chị H nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh L ngày càng vô nghĩa, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người đã không còn đạt được. Cho nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị H được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này với anh L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh L có 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/08/2009, Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/07/2012 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 05/02/2019. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Nguyễn Văn L:* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án đã được nêu ở trên thì xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P đều có đơn xin vắng mặt, bị

đơn Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2009, ngày 09/07/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) nên hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.

Chị H trình bày khi chung sống với nhau thì chị H và anh L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và cãi nhau, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H và anh L không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, chị H nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh L ngày càng vô nghĩa, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người đã không còn đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L. Tòa án đã 02 lần thông báo hòa giải đoàn tụ nhưng anh L không đến Tòa án để hòa giải, điều này thể hiện ý chí của anh L không muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị H và anh L đoàn tụ về sống chung lại, trong khi chị H thì cương quyết ly hôn với anh L. Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị H và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh L có 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/08/2009, Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/07/2012 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 05/02/2019. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung, cũng phù hợp với nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn của cháu T, cháu K (tại các tờ tự khai cùng đề ngày 30/06/2025 của cháu T, cháu K), cháu H1 tuy chưa có lời khai về nguyện vọng được sống chung với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn nhưng anh L cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/08/2009, Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/07/2012 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 05/02/2019 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu, anh L không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, anh L không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vì vậy chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004566 ngày 09/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H), chị Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/08/2009, Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/07/2012 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 05/02/2019 cho chị Trần Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Nguyễn Văn L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn L.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu, anh Nguyễn Văn L không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu, anh Nguyễn Văn L không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004566 ngày 09/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H), chị Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã T (Giấy CNKH số: 53, quyền số: 01/2009, ngày 09/07/2009 của UBND xã T, huyện T cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư